

Số: 136/2019/QĐST - HNGĐ

Quảng Xương, ngày 25 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 164/2019/TLST-VDS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Bùi Ngọc B - Sinh năm 1989.

Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1993.

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Bùi Ngọc B và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 01/02/2012 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hợp nhau trong lối sống và suy nghĩ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2016 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc tới nhau. Nay anh, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh B và chị L là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành, anh Bình và chị Lộc đã có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: Anh Bùi Ngọc B và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là cháu Bùi Bá Ngọc Ph sinh ngày 26/4/2012 và cháu Bùi Bá Ngọc T sinh ngày

18/10/2016. Anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ph; chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là tự nguyện nên chấp nhận.

[3] Về tài sản: Anh Bùi Ngọc B và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh B và chị L thống nhất anh B nộp toàn bộ lệ phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là phù hợp, tự nguyện nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (17/7/2019), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Ngọc B và chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Anh Bùi Ngọc B và chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là cháu Bùi Bá Ngọc Ph sinh ngày 26/4/2012 và cháu Bùi Bá Ngọc T sinh ngày 18/10/2016. Sau khi ly hôn, anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ph; chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B, chị L đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh B và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh B chịu 300.000 đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng Anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001644 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Anh B đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- UBND xã Quảng N;
- Chi cục THA huyện Quảng Xương
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Cao Văn Tuấn